

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt điện năng cao
(22829502)

Ngày thi: 09/05/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 45

Số bài thi: 46

Số tờ giấy thi: 46

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122050122	Nguyễn Chí An	15/11/2004	CCQ2205D	1	Am	5.5	5,5	5,5	
2	2122050070	Thiên Đại Anh	11/08/2004	CCQ2205C	1		6.0	2,0	3,6	
3	2122050149	Nguyễn Văn Bảo	24/10/2004	CCQ2205D	1		7.5	8,0	7,8	
4	2122050151	Lê Quí Cầu	11/10/2004	CCQ2205C	1	Cau	6.0	8,0	7,2	
5	2121050027	Đoàn Huỳnh Hữu Chương	29/03/2003	CCQ2105A	1	chuong	6.0	4,5	5,1	
6	2122050117	Nguyễn Văn Chương	16/12/2004	CCQ2205D	1	huochy	6.5	7,0	6,8	
7	2122050087	Lê Việt Đông	17/02/2004	CCQ2205C	1	Dong	6.0	6,5	6,3	
8	2122050127	Nguyễn Ngọc Đức	13/03/2004	CCQ2205D	1		8.0	8,5	8,3	
9	2122050142	Dương Văn Dũng	15/12/2001	CCQ2205C	1	Dun	6.0	5,5	5,7	
10	2122050128	Nguyễn Xuân Dương	01/01/2004	CCQ2205D	1	Dblary	6.5	7,5	7,1	
11	2122180005	Đoàn Tất Giáp	01/08/2004	CCQ2205C	1	Gtgap	6.0	5,5	5,7	
12	2122140064	Nguyễn Huy Hoàng	23/02/2001	CCQ2205D	1	Hoanguy	5.5	7,0	6,4	
13	2122050139	Võ Văn Hùng	23/01/2004	CCQ2205C	1	Hung	5.5	5,0	5,2	
14	2122050077	Nguyễn Công Hưng	12/12/2004	CCQ2205C	1	Hung	5.5	5,0	5,2	
15	2122170390	Nguyễn Trần Đức Hy	25/07/2004	CCQ2205D	1	Hy	5.5	3,5	4,3	
16	2122050083	Nguyễn Duy Khánh	30/11/2004	CCQ2205C	1	khach	6.0	3,5	4,5	
17	2122050086	Trần Đăng Khoa	01/01/2004	CCQ2205C	1		6.5	8,0	7,4	
18	2122050013	Trần Gia Lâm	26/08/2004	CCQ2205D	1		6.5	8,5	7,7	
19	2122050071	Nguyễn Công Lập	02/09/2004	CCQ2205C	1	Lap	8.0	7,0	7,4	
20	2122050133	Đỗ Văn Ngọc Lưu	20/01/2004	CCQ2205D	1	Luu	5.5	5,5	5,5	
21	2122170394	Lê Văn Lưu	26/07/2004	CCQ2205D	1	Luu	7.0	8,5	7,9	
22	2122220028	Trần Huỳnh Mạnh	19/08/2004	CCQ2205D	1	man	6.0	7,0	6,6	
23	2122050094	Nguyễn Văn Minh	02/10/2004	CCQ2205C	1	Min	6.0	5,0	5,4	
24	2122170387	Võ Xuân Minh	05/08/2004	CCQ2205D	1	chinh	6.0	3,0	4,2	
25	2122050099	Trương Công Nghĩa	14/04/2004	CCQ2205C			5.5			
26	2122050075	Nguyễn Đình Ngọc	12/10/2003	CCQ2205C	1	ngoc	6.0	3,5	4,5	
27	2122050106	Dương Thành Nguyên	16/02/2004	CCQ2205D	1	nguyen	6.0	7,0	6,6	
28	2122050076	Lương Văn Nhân	20/02/2004	CCQ2205C	1	chinh	5.5	6,5	6,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt điện năng cao
(22829502)

Ngày thi: 09/05/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 45

Số bài thi: 45

Số tờ giấy thi: 46

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122140060	Mai Quốc Nhật	02/02/2004	CCQ2205C	1	Quốc	6.0	4.5	5.1	
30	2122200018	Đặng Thanh Phúc	20/08/2002	CCQ2205D	1	Phúc	7.0	5.0	5.8	
31	2122050148	Nguyễn Minh Phúc	14/07/2004	CCQ2205C	1	phúc	5.5	3.5	4.3	
32	2122050089	Nguyễn Đức Quân	10/05/2004	CCQ2205C	1	Quân	6.0	3.5	4.5	
33	2122050090	Trần Văn Quyền	02/10/2004	CCQ2205C	1	Quyền	6.5	5.5	5.7	
34	2122050107	Lê Thanh Thái	24/07/2002	CCQ2205D	1	Thái	7.0	7.5	7.3	
35	2122180045	Trương Lương Nguyễn Thành	13/11/2004	CCQ2205D	1	Thành	6.5	7.5	7.1	
36	2122170536	Đào Huỳnh Xuân Thiện	21/08/2004	CCQ2205D	1	Thiện	5.5	3.0	4.0	
37	2122050124	Võ Đức Thịnh	12/12/2004	CCQ2205D	1	thịnh	7.0	4.0	5.2	
38	2122050147	Huỳnh Văn Thuận	26/05/2003	CCQ2205C	1	Thuận	5.5	3.5	4.3	
39	2122050081	Trương Lê Ngọc Tiên	06/11/2003	CCQ2205C	1	Tiên	7.5	7.5	7.5	
40	2122060061	Triệu Minh Toàn	30/10/2004	CCQ2205D	1	Toàn	5.5	3.5	4.3	
41	2122050078	Lê Minh Trí	07/12/2004	CCQ2205C	1	Trí	5.5	2.0	3.4	
42	2122050126	Lê Thành Trung	29/10/2004	CCQ2205D	1	Trung	6.5	8.5	7.7	
43	2122050085	Nguyễn Thành Trung	22/11/2004	CCQ2205C	1	Trung	6.0	7.0	6.6	
44	2122050111	Võ Thanh Trung	20/06/2004	CCQ2205D	1	Trung	6.5	8.0	7.4	
45	2122050105	Nguyễn Quốc Việt	11/03/2004	CCQ2205D	1	Việt	6.0	7.5	6.9	
46	2122050123	Nguyễn Văn Vin	01/04/2003	CCQ2205D	1	Vin	6.0	8.5	7.5	
47	2122050103	Trần Anh Vũ	08/05/2004	CCQ2205D	1	Anh Vũ	6.0	8.0	7.2	